

MASAN
GROUP



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Ngày 12. tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2.	Các định nghĩa	3
Điều 3.	Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.....	4
Điều 4.	Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán.....	4
Điều 5.	Thành phần Ủy ban Kiểm toán	5
Điều 6.	Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.....	5
Điều 7.	Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.....	5
Điều 8.	Hiệu lực thi hành	6

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ủy ban Kiểm toán nhằm hoạt động theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của Pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán được áp dụng cho Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ủy ban Kiểm toán.

Điều 2. Các định nghĩa

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - b. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan.
 - c. “Điều lệ” là bản Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan được thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 01/04/2021.
 - d. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - e. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - f. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
 - g. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các luật, các quy định có hiệu lực như luật thành văn hoặc không thành văn đang có hiệu lực tại nơi Công ty niêm yết cổ phiếu để giao dịch, bao gồm cả các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - h. “Quy chế” là Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán này.
 - i. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là sở giao dịch chứng khoán mà Công ty niêm yết cổ phiếu để giao dịch.
 - j. “Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do Pháp luật quy định.
 - k. “Việt Nam” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải báo cáo trực tiếp bằng văn bản với Hội đồng Quản trị và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định của Pháp luật.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán thực hiện các công việc tuân thủ quy định của Pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.
3. Thành viên Ủy ban Kiểm toán không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi việc tiết lộ thông tin theo yêu cầu của Pháp luật.
4. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải trung thực, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các kết luận của mình.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 5. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 6. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban Kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban Kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên

1. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị độc lập trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán;

- c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
- g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông; và
- h. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


NGUYỄN ĐĂNG QUANG